

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 15 tháng 4 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-298-i




Trần Hlang Thu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0877-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		705.302.044.461	570.711.279.659
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	57.578.076.285	70.884.379.919
Tiền	111		32.578.076.285	36.884.379.919
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	34.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	25.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		25.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	241.993.136.957	191.003.146.479
Phải thu khách hàng	131		211.083.126.016	171.576.289.523
Trả trước cho người bán	132		20.967.931.162	14.961.122.811
Các khoản phải thu khác	135		10.762.694.285	4.951.566.664
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(820.614.506)	(485.832.519)
Hàng tồn kho	140	7	365.071.056.450	304.068.779.839
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.659.774.769	4.754.973.422
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		548.265.191	1.200.269.597
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.012.280.908	945.176.991
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.099.228.670	2.609.526.834
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		365.949.410.562	372.057.498.756
Tài sản cố định	220		334.964.437.426	347.292.953.542
Tài sản cố định hữu hình	221	8	329.713.403.971	346.824.141.507
Nguyên giá	222		921.329.728.037	892.096.218.678
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(591.616.324.066)	(545.272.077.171)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	10.266.580
Nguyên giá	228		889.772.808	912.872.608
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(889.772.808)	(902.606.028)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	5.251.033.455	458.545.455
Bất động sản đầu tư	240	11	812.246.658	1.084.549.756
Nguyên giá	241		26.557.628.414	26.605.778.414
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.745.381.756)	(25.521.228.658)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	21.085.563.096	18.538.051.690
Đầu tư vào các công ty liên doanh	252		11.516.798.225	9.046.400.719
Đầu tư dài hạn khác	258		10.350.000.000	10.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(781.235.129)	(858.349.029)
Tài sản dài hạn khác	260		9.087.163.382	5.141.943.768
Chi phí trả trước dài hạn	261		8.683.570.531	3.363.806.714
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	30	151.528.851	210.608.286
Tài sản dài hạn khác	268		252.064.000	380.800.000
Lợi thế thương mại	269	13	-	1.186.728.768
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.071.251.455.023	942.768.778.415
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		560.283.174.633	444.001.431.147
Nợ ngắn hạn	310		554.331.006.855	434.377.317.081
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	293.875.499.635	235.722.022.799
Phải trả người bán	312	15	113.665.963.041	87.712.859.452
Người mua trả tiền trước	313		5.863.046.985	5.469.125.199
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	11.922.395.460	11.083.841.880
Phải trả người lao động	315		66.007.972.622	54.119.506.442
Chi phí phải trả	316		936.015.203	661.165.841
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	54.978.626.746	33.680.257.676
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.081.487.163	5.928.537.792
Vay và nợ dài hạn	330		5.952.167.778	9.624.114.066
Phải trả dài hạn khác	333		190.000.000	160.000.000
Vay dài hạn	334	18	5.762.167.778	9.464.114.066

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		448.134.676.185	437.541.102.341
Vốn chủ sở hữu	410	19	448.134.676.185	437.541.102.341
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.172.727.273	2.172.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	55.947.556.557	54.578.008.108
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	6.722.903.277	6.519.561.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		634.786.078	634.786.078
Lợi nhuận chưa phân phối	420		182.656.703.000	173.636.018.892
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	62.833.604.205	61.226.244.927
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.071.251.455.023	942.768.778.415

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ - USD	70.227	120.424

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	24	2.033.374.609.806	1.919.695.330.086
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.110.330.655	3.056.185.337
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	2.032.264.279.151	1.916.639.144.749
Giá vốn hàng bán	11	25	1.775.730.720.765	1.645.003.431.818
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		256.533.558.386	271.635.712.931
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.473.731.661	7.011.632.636
Chi phí tài chính	22	27	15.488.724.940	22.090.311.512
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.476.027.716</i>	<i>17.740.025.873</i>
Chi phí bán hàng	24		32.344.326.574	32.259.503.591
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		102.201.414.532	90.946.584.516
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		113.972.824.001	133.350.945.948
Thu nhập khác	31	28	16.499.252.430	18.977.746.521
Chi phí khác	32	29	15.114.069.814	11.339.334.113
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.385.182.616	7.638.412.408
(Lỗ)/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	41	12	(6.529.602.494)	2.730.004.073
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		108.828.404.123	143.719.362.429
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	24.396.141.891	23.176.457.190
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	59.079.435	77.679.435
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		84.373.182.797	120.465.225.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		84.373.182.797	120.465.225.804
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	22	3.884.794.319	7.167.228.689
Chủ sở hữu của Công ty	62		80.488.388.478	113.297.997.115
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.024	5.665

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	108.828.404.123	143.719.362.429
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	61.221.337.632	60.039.837.783
Các khoản dự phòng	03	257.668.087	53.683.819
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	693.674.207	(3.923.538)
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động đầu tư	05	(4.861.800.817)	(11.001.734.982)
Lỗ từ công ty liên doanh	05	6.529.602.494	-
Chi phí lãi vay	06	9.476.027.716	17.740.025.873
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	182.144.913.442	210.547.251.384
Biến động các khoản phải thu	09	(62.869.619.146)	(20.382.639.385)
Biến động hàng tồn kho	10	(61.002.276.611)	(18.826.216.067)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	33.495.018.693	25.318.969.843
Biến động chi phí trả trước	12	(2.681.261.837)	290.645.289
		89.086.774.541	196.948.011.064
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.503.800.854)	(17.740.025.873)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(19.723.371.961)	(17.223.351.342)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(19.110.050.304)	(6.844.483.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	40.749.551.422	155.140.150.733
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(49.475.979.694)	(20.446.806.661)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	310.454.545	364.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(9.000.000.000)	(21.720.000.000)
Tiền mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	25	(25.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	4.865.065.397	5.653.578.434
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(78.610.914.297)	(36.149.228.227)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	969.068.721.173	1.103.549.176.617
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(914.800.669.846)	(1.149.265.783.522)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(27.724.212.876)	(51.404.414.625)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(1.909.250.000)	(3.112.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	24.634.588.451	(100.233.021.530)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.226.774.424)	18.757.900.976
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	70.884.379.919	51.234.039.499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(79.529.210)	892.439.444
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	57.578.076.285	70.884.379.919

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 3.033 nhân viên (31/12/2012: 2.939 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát cho tới ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên doanh

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (sau đây gọi chung là "Công ty liên doanh"). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên doanh, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên doanh mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên doanh.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ phát sinh từ các giao dịch với công ty liên doanh được loại trừ trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát, quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Tất cả các tài sản tài chính trên bảng cân đối kế toán nằm trong nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán đều nằm trong nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(r) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	262.451.568	403.423.509
Tiền gửi ngân hàng	29.315.624.717	36.480.956.410
Tiền đang chuyển	3.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	34.000.000.000
	57.578.076.285	70.884.379.919

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, có lãi suất hàng năm từ 6,5% đến 6,8%.

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu công ty liên doanh	802.517.434	455.810.836
Phải thu các công ty liên quan khác	21.144.120.698	5.423.066.520
Phải thu các bên thứ ba	189.136.487.884	165.697.412.167
	211.083.126.016	171.576.289.523

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi phải thu	670.913.890	169.750.000
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan khác	3.010.922.000	3.330.922.000
Phải thu khác	7.080.858.395	1.450.894.664
	10.762.694.285	4.951.566.664

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	34.165.089.566	39.298.349.634
Nguyên vật liệu	62.512.791.234	59.947.424.758
Công cụ và dụng cụ	31.854.453	15.875.916
Sản phẩm dở dang	34.326.189.224	29.583.118.018
Thành phẩm	209.329.943.415	161.437.629.712
Hàng hóa	7.458.742.007	1.120.745.342
Hàng gửi đi bán	17.246.446.551	12.665.636.459
	<hr/>	<hr/>
	365.071.056.450	304.068.779.839

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6 triệu USD, tương đương 126.180 triệu VND (31/12/2012: 126.180 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (xem Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	120.923.423.033	1.671.301.513	756.493.249.755	13.008.244.377	892.096.218.678
Tăng trong năm	3.408.113.610	-	14.838.648.969	-	18.246.762.579
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.002.990.000	301.422.000	17.090.349.297	1.170.703.818	26.565.465.115
Phân loại lại (*)	(20.805.784)	(73.652.226)	(3.979.014.098)	(13.272.727)	(4.086.744.835)
Thanh lý	-	(338.161.145)	(4.852.584.815)	(927.740.202)	(6.118.486.162)
Xóa sổ (**)	(82.216.525)	(603.255.436)	(4.622.205.377)	(65.810.000)	(5.373.487.338)
Số dư cuối năm	132.231.504.334	957.654.706	774.968.443.731	13.172.125.266	921.329.728.037
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	77.422.505.882	1.276.254.130	458.834.968.971	7.738.348.188	545.272.077.171
Khấu hao trong năm	6.058.221.545	163.278.996	52.085.952.691	1.452.426.019	59.759.879.251
Phân loại lại (*)	(16.809.699)	(50.232.956)	(2.027.586.406)	(8.184.848)	(2.102.813.909)
Thanh lý	-	(333.312.671)	(4.842.835.215)	(927.740.202)	(6.103.888.088)
Xóa sổ (**)	(81.443.083)	(455.966.778)	(4.605.710.498)	(65.810.000)	(5.208.930.359)
Số dư cuối năm	83.382.474.645	600.020.721	499.444.789.543	8.189.039.157	591.616.324.066
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	43.500.917.151	395.047.383	297.658.280.784	5.269.896.189	346.824.141.507
Số dư cuối năm	48.849.029.689	357.633.985	275.523.654.188	4.983.086.109	329.713.403.971

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 260.611 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 209.760 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 49.994 triệu VND (31/12/2012: 57.848 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn.
- (**) Việc xóa sổ này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	912.872.608
Phân loại lại (*)	(23.099.800)
	<hr/>
Số dư cuối năm	889.772.808
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	902.606.028
Khấu hao trong năm	7.699.932
Phân loại lại (*)	(20.533.152)
	<hr/>
Số dư cuối năm	889.772.808
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	10.266.580
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 890 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	458.545.455	1.306.537.412
Tăng trong năm	31.357.953.115	5.763.158.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.565.465.115)	(6.611.149.985)
Số dư cuối năm	<u>5.251.033.455</u>	<u>458.545.455</u>

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	26.605.778.414
Xóa sổ (*)	(48.150.000)
Số dư cuối năm	<u>26.557.628.414</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	25.521.228.658
Khấu hao trong năm	267.029.681
Xóa sổ (*)	(42.876.583)
Số dư cuối năm	<u>25.745.381.756</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.084.549.756
Số dư cuối năm	<u>812.246.658</u>

(*) Việc xóa sổ này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013			31/12/2012		
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
Đầu tư góp vốn liên doanh						
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	-	50,00%	50,00%
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	-	20,00%	20,00%	-	-	-
			VND			VND
			11.516.798.225			9.046.400.719
			<u>11.516.798.225</u>			<u>9.046.400.719</u>
Đầu tư dài hạn khác						
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	12,00%	-	12,00%	12,00%
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	75.000	4,36%	4,36%	75.000	4,36%	4,36%
• Công ty Cổ phần Dầu tư Ngôi sao Gia Định	500.000	5,00%	5,00%	500.000	5,00%	5,00%
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%	10,00%	100.000	10,00%	10,00%
			3.600.000.000			3.600.000.000
			750.000.000			750.000.000
			5.000.000.000			5.000.000.000
			1.000.000.000			1.000.000.000
			<u>10.350.000.000</u>			<u>10.350.000.000</u>
			21.866.798.225			19.396.400.719
			(781.235.129)			(858.349.029)
			<u>21.085.563.096</u>			<u>18.538.051.690</u>

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	9.046.400.719	8.516.396.646
Tăng trong năm	9.000.000.000	-
(Lỗ)/lợi nhuận từ công ty liên doanh	(6.529.602.494)	2.730.004.073
Cổ tức đã nhận được	-	(2.200.000.000)
Số dư cuối năm	11.516.798.225	9.046.400.719

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	858.349.029	586.396.447
Tăng dự phòng trong năm	165.886.100	343.000.000
Hoàn nhập	(243.000.000)	(71.047.418)
Số dư cuối năm	781.235.129	858.349.029

Các công ty trong Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Tên	Địa chỉ	Hợp nhất	31/12/2013 % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2012 % sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	58,55%

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Địa chỉ	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	31/12/2013	31/12/2012
			% sở hữu và quyền biểu quyết	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	20,00%	-

13. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	3.560.186.302
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.373.457.534
Khấu hao trong năm	1.186.728.768
Số dư cuối năm	3.560.186.302
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.186.728.768
Số dư cuối năm	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	290.034.054.450	231.936.377.172
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	3.841.445.185	3.785.645.627
	293.875.499.635	235.722.022.799

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	4,0% - 6,5%	2014	102.254.780.772	51.166.476.986
Khoản vay 2	USD	3,5% - 3,8%	2014	38.019.748.239	39.152.439.060
Khoản vay 3	USD	3,20%	2014	51.025.267.125	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 6	VND	7,50% - 11,00%	2014	4.949.595.005	10.473.978.965
Khoản vay 7	USD	4,0% - 4,5%	2013	-	13.952.352.283
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>					
Khoản vay 8	USD	3,2% - 5,0%	2014	45.799.222.532	27.128.776.588
Khoản vay 9	VND	3,20%	2014	37.070.370.303	62.476.284.908
Khoản vay 10	USD	3%	2013	-	21.197.423.189
<i>Ngân hàng ANZ</i>					
Khoản vay 11	USD	3,50%	2014	10.915.070.474	6.388.645.193
				290.034.054.450	231.936.377.172

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6 triệu USD, tương đương 126.180 triệu VND (31/12/2012: 126.180 triệu VND) và tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 49.994 triệu VND (31/12/2012: 37.064 triệu VND) (Thuyết minh 8 và 9).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả công ty liên doanh	-	75.958.154
Phải trả các bên liên quan khác	16.179.933.003	110.382
Phải trả các bên thứ ba	97.486.030.038	87.636.790.916
	<hr/>	<hr/>
	113.665.963.041	87.712.859.452
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các bên liên quan trên không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	380.904.584	4.330.484.741
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.543.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.328.936.087	6.656.166.157
Thuế thu nhập cá nhân	201.687.359	75.370.477
Thuế tài nguyên	10.867.430	20.277.120
	<hr/>	<hr/>
	11.922.395.460	11.083.841.880
	<hr/>	<hr/>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	798.767.747	577.540.611
Bảo hiểm xã hội	33.672.148	14.010.941
Cổ tức phải trả	52.065.702.500	31.699.165.376
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.080.484.351	1.389.540.748
	<hr/>	<hr/>
	54.978.626.746	33.680.257.676
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	9.603.612.963	13.249.759.693
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(3.841.445.185)	(3.785.645.627)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	5.762.167.778	9.464.114.066
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<i>Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số 00310/2010/0000177	USD	6,5%	2016	9.603.612.963	13.249.759.693
				<hr/>	<hr/>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 47.155 triệu VND (31/12/2012: 20.784 triệu VND) (Xem Thuyết minh 8).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	200.000.000.000	2.172.727.273	(672.746.399)	53.869.290.107	6.519.561.990	634.786.078	108.235.669.396	370.759.288.445
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	113.297.997.115	113.297.997.115
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	708.718.001	-	-	(708.718.001)	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	672.746.399	-	-	-	-	672.746.399
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.188.929.618)	(7.188.929.618)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	200.000.000.000	2.172.727.273	-	54.578.008.108	6.519.561.990	634.786.078	173.636.018.892	437.541.102.341
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	80.488.388.478	80.488.388.478
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.369.548.449	203.341.287	-	(1.572.889.736)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(19.894.814.634)	(19.894.814.634)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	200.000.000.000	2.172.727.273	-	55.947.556.557	6.722.903.277	634.786.078	182.656.703.000	448.134.676.185

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	10.145.000	101.450.000.000
	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu năm	61.226.244.927	58.304.646.271
Lợi nhuận thuần trong năm	3.884.794.319	7.167.228.689
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	494.931.360
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho lợi ích cổ đông thiểu số	(368.185.041)	(530.561.392)
Cổ tức	(1.909.250.000)	(4.210.000.001)
Số dư cuối năm	62.833.604.205	61.226.244.927

23. Cổ tức

Dại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 18 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 50.000 triệu VND (2012: 40.000 triệu VND) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012.

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.478.261.871.392	1.378.384.771.374
▪ Bán hàng hóa	519.748.964.718	521.587.195.871
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	12.752.670.980	13.028.199.246
▪ Cung cấp dịch vụ	22.611.102.716	6.695.163.595
	2.033.374.609.806	1.919.695.330.086
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(582.004.710)	(2.665.615.236)
▪ Hàng bán bị trả lại	(528.325.945)	(390.570.101)
	(1.110.330.655)	(3.056.185.337)
Doanh thu thuần	2.032.264.279.151	1.916.639.144.749

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Giá vốn hàng bán

	2013	2012
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.257.338.235.264	1.132.080.589.203
▪ Hàng hoá đã bán	508.387.503.529	504.371.357.207
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	1.265.498.891	3.216.643.406
▪ Dịch vụ đã cung ứng	8.739.483.081	5.334.842.002
	<hr/>	<hr/>
	1.775.730.720.765	1.645.003.431.818
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	1.837.813.124	905.043.803
▪ Ngân hàng	1.817.961.618	1.580.296.591
Thu nhập từ cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	2.014.847.971	3.077.654.454
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	664.651.032	195.479.215
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.457.916	173.158.573
	<hr/>	<hr/>
	7.473.731.661	7.011.632.636
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.476.027.716	17.740.025.873
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	165.886.100	343.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(243.000.000)	(71.047.418)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.337.679.001	3.909.098.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	752.132.123	169.235.035
	<hr/>	<hr/>
	15.488.724.940	22.090.311.512
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Thu nhập khác

	2013	2012
	VND	VND
Bán phế liệu	9.579.591.321	7.218.952.644
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	310.454.545	364.000.000
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản góp vốn	-	4.342.390.515
Thu phí tiền điện từ các công ty liên quan	1.985.040.087	2.572.455.163
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.135.002.217
Thu nhập khác	4.624.166.477	3.344.945.982
	<hr/>	<hr/>
	16.499.252.430	18.977.746.521
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí khác

	2013	2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	14.598.074	-
Chi phí tiền điện cho các công ty liên quan	1.076.600.240	2.925.547.318
Chi phí bán phế liệu	9.048.708.555	6.348.475.105
Chi phí khác	4.974.162.945	2.065.311.690
	<hr/>	<hr/>
	15.114.069.814	11.339.334.113
	<hr/>	<hr/>

30. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản cố định	132.928.851	210.608.286
Chi phí phải trả	18.600.000	-
	<hr/>	<hr/>
	151.528.851	210.608.286
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	24.388.586.575	23.154.925.951
Dự phòng thiếu trong những năm trước	7.555.316	21.531.239
	<hr/> 24.396.141.891	<hr/> 23.176.457.190
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	59.079.435	77.679.435
	<hr/> 24.455.221.326	<hr/> 23.254.136.625

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	108.828.404.123	143.719.362.429
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.207.101.031	35.929.840.607
Ưu đãi thuế	(4.765.791.729)	(12.554.586.572)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.276.356.708	856.059.421
Thu nhập không bị tính thuế	(270.000.000)	(270.000.000)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(728.708.070)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	7.555.316	21.531.239
	<hr/> 24.455.221.326	<hr/> 23.254.136.625

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 25%.

Các công ty con

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần May Việt Thắng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 20% thuế thu nhập trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 25%.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 80.488.388.478 VND (2012: 113.297.997.115 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2012: 20.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	80.488.388.478	113.297.997.115

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	20.000.000	20.000.000

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	54.315.624.717	70.480.956.410
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii)	25.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	221.025.205.795	176.042.023.668
		<u>300.340.830.512</u>	<u>246.522.980.078</u>

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn được trình bày như các khoản đầu tư ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 1,13%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND
Trong hạn	134.469.017.610	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	57.611.435.640	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	26.592.097.394	-
Quá hạn trên 180 ngày	3.173.269.657	(820.614.506)
	221.845.820.301	(820.614.506)
	Gộp 31/12/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND
Trong hạn	77.654.395.002	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	72.412.828.813	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	25.701.908.813	-
Quá hạn trên 180 ngày	758.723.559	(485.832.519)
	176.527.856.187	(485.832.519)

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	485.832.519	704.101.282
Tăng dự phòng trong năm	334.781.987	193.252.081
Hoàn nhập	-	(411.520.844)
	820.614.506	485.832.519

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	290.034.054.450	293.166.578.380	293.166.578.380	-	-
Phải trả người bán	113.665.963.041	113.665.963.041	113.665.963.041	-	-
Phải trả người lao động	66.007.972.622	66.007.972.622	66.007.972.622	-	-
Chi phí phải trả	936.015.203	936.015.203	936.015.203	-	-
Phải trả khác	54.978.626.746	54.978.626.746	54.978.626.746	-	-
Vay dài hạn	9.603.612.963	10.289.972.523	4.305.307.460	4.052.744.468	1.931.920.595
Phải trả dài hạn khác	190.000.000	190.000.000	190.000.000	-	-
	535.416.245.025	539.235.128.515	533.250.463.452	4.052.744.468	1.931.920.595

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	231.936.377.172	234.206.987.150	234.206.987.150	-	-
Phải trả người bán	87.712.859.452	87.712.859.452	87.712.859.452	-	-
Phải trả người lao động	54.119.506.442	54.119.506.442	54.119.506.442	-	-
Chi phí phải trả	661.165.841	661.165.841	661.165.841	-	-
Phải trả khác	33.680.257.676	33.680.257.676	33.680.257.676	-	-
Vay dài hạn	13.249.759.693	15.023.334.670	3.908.468.796	8.738.111.361	2.376.754.513
Phải trả dài hạn khác	160.000.000	160.000.000	160.000.000	-	-
	421.519.926.276	425.564.111.231	414.449.245.357	8.738.111.361	2.376.754.513

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của các đơn vị Tập đoàn, là tiền VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.227	120.424
Phải thu khách hàng	3.041.227	2.433.054
Tài sản tiền tệ khác	-	162.306
Phải trả người bán	(2.708.035)	(2.384.781)
Vay ngắn hạn	(8.672.021)	(7.815.046)
Vay dài hạn	(454.394)	(454.394)
Nợ phải trả tiền tệ khác	(129.500)	(161.073)
	<hr/>	<hr/>
	(8.593.496)	(8.099.510)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
1 USD	21.080	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.358.631.718)
	<hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.265.224.457)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	34.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	25.000.000.000	-
Vay ngắn hạn	(99.010.707.902)	(10.473.978.965)
	<hr/>	<hr/>
	(49.010.707.902)	23.526.021.035
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	29.315.624.717	36.480.956.410
Vay ngắn hạn	(191.023.346.548)	(221.462.398.207)
Vay dài hạn	(9.603.612.963)	(13.249.759.693)
	<hr/>	<hr/>
	(171.311.334.794)	(198.231.201.490)

Tập đoàn phải chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm lãi suất cơ bản không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ dùng cho mục đích thuyết minh. Các chính sách sau được dùng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính như sau:

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ của chúng do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Vay dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giả niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2013	2012
	VND	VND
Trả cổ tức bằng vốn góp	-	1.080.000.000
Góp vốn bằng tài sản	-	5.000.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2013 VND	2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Bán thành phẩm	968.114.741	779.717.409	802.517.434	-
Doanh thu gia công	15.384.200	-	-	-
Doanh thu cho thuê	1.500.000.000	1.100.000.000	-	455.810.836
Thu nhập khác	2.414.961.606	1.986.969.368	-	-
Phân phối cổ tức	-	1.494.500.000	-	1.494.500.000
Thu nhập cổ tức	-	2.200.000.000	1.930.922.000	3.330.922.000
Mua hàng hóa	1.508.659.384	1.158.614.197	-	75.958.154
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	15.849.444.356	21.481.408.043	1.138.483.830	969.248.720
Doanh thu gia công	133.194.941	-	-	-
Mua hàng hóa	51.384.460.466	57.407.779.983	-	110.382
Các công ty liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	211.569.027.806	197.785.126.856	18.392.521.876	1.856.180.279
Bán dụng cụ và phụ tùng	9.339.941.950	9.516.392.030	-	-
Doanh thu điện	-	787.751.610	-	-
Doanh thu cho thuê	5.876.181.820	5.876.181.820	-	-
Thu nhập khác	950.242.580	697.324.970	-	-
Mua hàng hóa	406.605.562.518	326.633.790.545	15.981.569.414	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2013 VND	2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú (tiếp theo)				
Khoan vay đã cấp	-	5.800.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	467.770.832	-	-
Lãi trả chậm	705.046.672	-	-	-
Phân phối cổ tức	-	600.000.000	-	600.000.000
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000	-
Góp vốn	-	1.800.000.000	-	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phi thành viên	140.000.000	140.000.000	-	-
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	19.710.000.000	24.637.500.000	19.710.000.000
Phi kiểm toán	113.636.364	113.636.364	-	-
Mua cổ phần Công ty cổ phần Nguyễn phụ liệu dệt may Bình An	9.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	3.297.838.600	-	509.936.680	-
Doanh thu gia công	2.480.400	205.708.960	-	-
Công ty cổ phần Sợi Phú Bài				
Bán thành phẩm	820.116.360	-	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2013 VND	2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty cổ phần Vải Thời trang Phong Phước				
Bán thành phẩm	-	328.493.204	-	-
Doanh thu gia công	-	616.749.133	-	165.585.205
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam				
Bán thành phẩm	692.316.630	-	21.375.750	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ				
Bán thành phẩm	176.173.980	221.905.100	-	157.172.200
Mua hàng hóa	3.362.257.272	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến				
Bán thành phẩm	-	532.586.500	-	-
Doanh thu gia công	-	15.429.349	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú				
Bán thành phẩm	224.543.150	529.230.000	2.394.340	-
Doanh thu gia công	1.371.011.210	15.657.974.157	-	1.717.617.641
Mua hàng hóa	-	374.943.140	-	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP				
Bán thành phẩm	1.661.071.250	1.866.094.700	157.337.400	172.262.475

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2013 VND	2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	3.168.644.375	6.530.965.720	128.918.119	385.000.000
Mua hàng hóa	237.859.040	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định				
Thuế đất	11.402.496	11.402.496	-	-
Góp vốn	-	5.000.000.000	-	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	5.788.575.420	4.529.073.000	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	9.026.910.390	10.813.003.909
Từ hai đến năm năm	3.935.933.648	5.128.263.947
Trên năm năm	11.563.043.200	-
	24.525.887.238	15.941.267.856

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.514.154.556.148	1.388.221.100.594
Chi phí nhân công	274.325.865.865	213.691.902.512
Chi phí khấu hao	60.390.627.491	60.039.837.783
Chi phí khác	82.106.735.395	214.692.148.801

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc